

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 12 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,329.89 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông, Hóa chất, Dịch vụ tài chính, Bán lẻ giảm trên 2%. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí và Tài nguyên cơ bản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX (chủ yếu là mã VHM). VN-Index đã giảm chạm ngưỡng hỗ trợ 1,330. Trong những phiên tới, nhà đầu tư cần thận trọng trước khả năng chỉ số tiếp tục lùi xuống dưới ngưỡng này và trở về 1,320.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-12.20** điểm, đóng cửa tại **1329.89** điểm. HNX-Index **-2.58** điểm, đóng cửa tại **228.61** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.46)**, **PLX (+0.40)**, **STB (+0.18)**, **HDB (+0.12)**, **DXS (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-1.29)**, **VIC (-0.90)**, **GVR (-0.77)**, **VHM (-0.76)**, **FPT (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,322** tỷ đồng, tăng **17.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,025 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.47 điểm. Thị trường có **76** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2259.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-1579.51 tỷ)**, **SHP (-185.62 tỷ)**, **VCI (-106.49 tỷ)**, **FPT (-83.04 tỷ)**, **HAH (-70.41 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **19.83** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.99%**. Các mã diễn biến tích cực:
DBC (+1.36%) [\(Link báo cáo\)](#)
HPG (+1.17%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+0.97%)
- BSC50 **-1.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
PLX (+3.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
HAH (+3.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
DPG (+1.36%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.99%	-1.11%	-0.91%	-0.94%
1 tuần	1.42%	3.45%	-0.20%	-0.33%
1 tháng	7.62%	8.90%	6.36%	7.11%
3 tháng	-5.42%	-2.75%	0.29%	2.10%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,329.89	228.61	98.89
% 1D	-0.91%	-1.12%	0.02%
GTKL (tỷ VND)	20,322	2,051	494
%1D	17.30%	9.40%	-37.05%
GDNN (tỷ VND)	-2259.32	19.83	-33.82

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	94.37	VHM	-1579.51
VIC	55.72	SHP	-185.62
GEX	48.98	VCI	-106.49
DXG	48.66	FPT	-83.04
DIG	35.06	HAH	-70.41

Thị trường thế giới

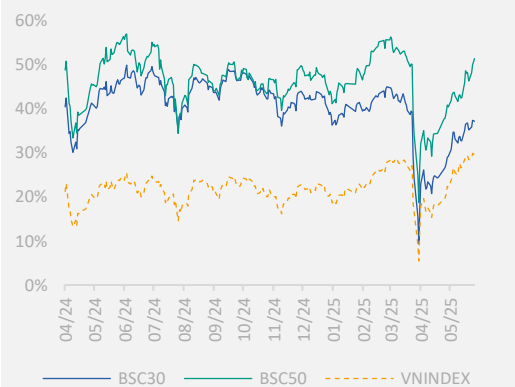
		%D	%W
SPX	5,939	-0.53%	0.46%
FTSE100	8,823	0.14%	0.58%
Eurostoxx	5,410	0.02%	0.83%
Shanghai	3,385	0.04%	0.65%
Nikkei	37,742	0.50%	-0.59%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.03	-0.40%
Giá vàng	3,353	-0.85%
Tỷ giá		
USD/VND	26,241	-0.01%
EUR/VND	30,679	0.26%
JPY/VND	186	-0.53%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	-0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

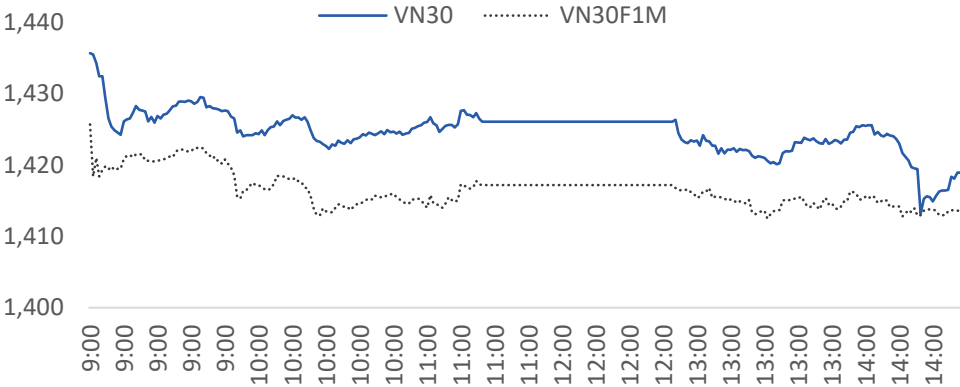
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1411.40	-0.85%	85	214.8%	9/18/2025	104
VN30F2512	1410.10	-0.71%	91	23.0%	12/18/2025	195
4111F7000	1413.00	-0.88%	531	22.6%	7/17/2025	41
VN30F2506	1413.60	-0.94%	175,491	48.6%	6/19/2025	13

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -13.41 điểm, đóng cửa tại 1418.97 điểm. Biên độ dao động 24.55 điểm. Các cổ phiếu như TCB, FPT, MWG, VIC, VNM tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản duy trì dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh thị trường chờ đợi thêm những thông tin hỗ trợ.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2405	6/30/2025	24	167,600	-84.36%	1.90	40	300.0%	3.01	2.05	13.10	13.10
CFPT2407	6/30/2025	24	229,900	-85.55%	15.87	30	50.0%	3.99	16.61	115.00	115.00
CSTB2511	12/19/2025	196	200	-75.90%	4.50	1,390	19.8%	9.34	10.06	41.75	41.75
CSHB2501	6/26/2025	20	6,700	-58.29%	0.99	2,620	19.1%	7.05	5.71	13.70	13.70
CTPB2501	6/30/2025	24	5,900	-85.99%	1.77	70	16.7%	12.16	1.84	13.10	13.10
CSTB2510	11/19/2025	166	300	-76.72%	4.40	1,330	12.7%	9.36	9.72	41.75	41.75
CHDB2502	7/21/2025	45	1,600	-85.48%	2.44	180	12.5%	4.84	3.16	21.80	21.80
CHPG2513	10/20/2025	136	3,400	-82.61%	3.09	360	12.5%	5.75	4.53	26.05	26.05
CHPG2511	7/21/2025	45	37,600	-85.84%	2.89	200	11.1%	5.79	3.69	26.05	26.05
CSTB2507	7/21/2025	45	632,300	-81.32%	4.00	950	10.5%	9.44	7.80	41.75	41.75
CSTB2508	9/19/2025	105	52,700	-77.92%	4.10	1,280	10.3%	9.43	9.22	41.75	41.75
CHPG2504	10/27/2025	143	444,800	-82.26%	2.90	860	10.3%	11.60	4.62	26.05	26.05
CHPG2512	9/19/2025	105	360,600	-83.46%	2.99	330	10.0%	5.78	4.31	26.05	26.05
CSTB2502	9/26/2025	112	500	-71.02%	3.55	2,850	9.6%	12.75	12.10	41.75	41.75
CSTB2501	6/26/2025	20	1,500	-71.14%	3.35	2,900	9.4%	12.80	12.05	41.75	41.75
CSTB2512	2/23/2026	262	12,400	-75.19%	4.60	1,440	8.3%	9.33	10.36	41.75	41.75
CSTB2413	6/30/2025	24	355,100	-83.02%	3.97	780	6.8%	9.45	7.09	41.75	41.75
CSTB2506	6/30/2025	24	13,500	-81.15%	3.81	2,030	6.8%	18.98	7.87	41.75	41.75
CSTB2410	11/4/2025	151	960,700	-77.03%	3.80	1,930	6.6%	12.67	9.59	41.75	41.75
CSTB2409	7/28/2025	52	1,148,100	-75.66%	3.60	1,640	6.5%	9.54	10.16	41.75	41.75

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 300.00%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.29%.
- CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVIC2407 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.05	1.17%	1.56
STB	41.75	0.97%	0.48
PLX	37.40	3.60%	0.25
HDB	21.80	0.69%	0.25
SSB	18.20	0.55%	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	30.30	-2.57%	-2.25
FPT	115.00	-1.54%	-2.02
MWG	60.50	-1.94%	-1.91
VIC	97.00	-1.02%	-1.61
VNM	55.30	-1.78%	-1.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.05	1.17%	0.46	6.40
PLX	37.40	3.60%	0.40	1.27
STB	41.75	0.97%	0.18	1.89
HDB	21.80	0.69%	0.12	3.51
DXS	8.85	6.76%	0.08	0.58

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	19.90	5.85%	0.11	0.14
PRE	21.20	6.00%	0.09	0.10
PVS	32.70	0.62%	0.06	0.48
NFC	54.00	5.88%	0.03	0.02
PIC	22.70	6.57%	0.03	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	5.07	6.96%	0.00	0.92
DXS	8.85	6.76%	0.08	10.97
DRH	2.85	6.74%	0.01	3.80
HRC	33.05	6.27%	0.01	0.00
HTN	10.85	5.34%	0.01	2.25

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MAC	21.20	9.84%	0.18	0.02
PTX	25.80	8.40%	0.05	0.01
PIC	22.70	6.57%	0.19	0.00
FID	1.70	6.25%	0.01	0.83
PRE	21.20	6.00%	0.49	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	30.30	-2.57%	-1.29	7.06
VIC	97.00	-1.02%	-0.90	3.88
GVR	28.35	-2.91%	-0.77	4.00
VHM	76.00	-1.04%	-0.76	4.11
FPT	115.00	-1.54%	-0.61	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	174.00	-4.19%	-0.94	0.20
MBS	27.10	-3.56%	-0.36	0.57
HUT	14.20	-3.40%	-0.28	0.89
CEO	18.10	-3.72%	-0.23	0.54
KSF	67.10	-1.76%	-0.23	0.30

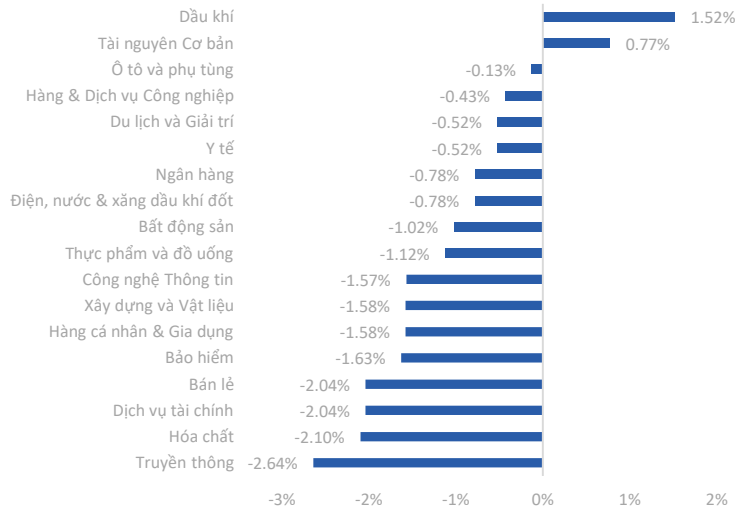
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPC	9.35	-6.97%	0.00	0.00
VPG	9.01	-6.92%	-0.01	0.45
SVI	53.10	-6.51%	-0.01	0.00
YBM	14.55	-5.52%	0.00	0.02
TDH	4.22	-5.38%	-0.01	0.65

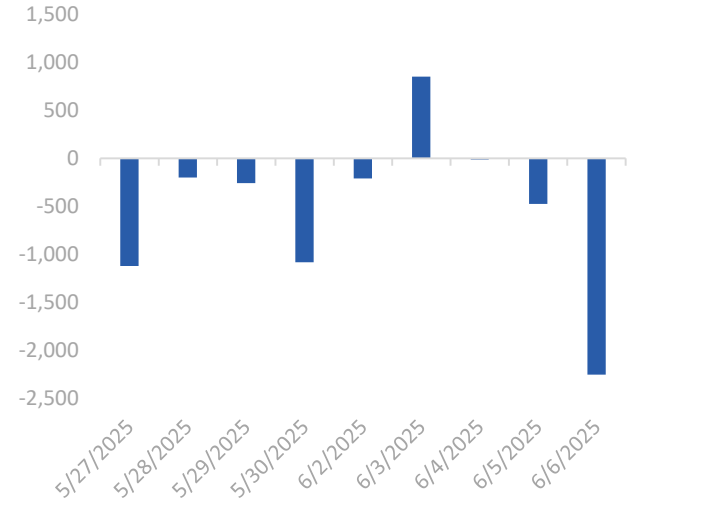
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BED	25.80	-9.79%	-0.03	0.00
BXH	14.90	-9.70%	-0.02	0.00
BPC	11.30	-9.60%	-0.02	0.00
LBE	28.00	-9.39%	-0.02	0.00
PCG	2.00	-9.09%	-0.01	0.44

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.5	-1.9%	1.6	89,475	402.3	2,979	20.3		47.9%	
KBC	Bất động sản	25.5	-3.0%	1.5	19,574	161.5	1,629	15.7		17.7%	
KDH	Bất động sản	29.6	-2.2%	1.2	29,930	104.7	896	33.0		35.8%	
PDR	Bất động sản	17.8	-2.5%	1.6	16,149	266.2	180	98.9	23,600	10.0%	Link
VHM	Bất động sản	76.0	-1.0%	1.1	312,163	2125.0	7,766	9.8	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	115.0	-1.5%	1.0	170,353	658.1	5,615	20.5	136,500	41.0%	Link
BSR	Dầu khí	18.0	0.0%	0.0	55,654	87.7	(37)	-488.3		0.2%	
PVS	Dầu khí	32.7	0.6%	1.3	15,629	345.7	2,303	14.2	39	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.6	-2.1%	1.5	18,395	320.0	1,394	18.3		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.6	-1.5%	1.3	46,300	671.8	1,546	15.3		34.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.9	-2.6%	1.3	25,780	407.4	1,602	22.4		29.6%	
DCM	Hóa chất	33.8	-2.6%	1.3	17,867	148.4	2,805	12.0	37,800	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	89.8	-0.9%	1.5	34,104	102.7	8,224	10.9	109,300	14.7%	Link
ACB	Ngân hàng	21.0	0.0%	0.9	107,870	225.7	3,224	6.5	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.3	-0.7%	1.0	247,503	98.7	3,643	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.2	-0.9%	1.0	205,134	135.2	4,806	8.0	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	0.7%	1.0	76,192	219.4	3,985	5.5		16.7%	
MBB	Ngân hàng	24.2	-1.0%	1.0	147,370	449.1	4,049	6.0	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	-0.4%	1.1	30,160	94.2	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.8	1.0%	0.9	78,708	1029.9	5,767	7.2		20.7%	
TCB	Ngân hàng	30.3	-2.6%	1.2	214,065	925.9	3,013	10.1	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	-0.4%	1.2	34,610	88.6	2,383	5.5	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.1	-0.4%	0.6	468,753	152.7	4,063	13.8	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	-0.8%	0.9	53,177	152.9	2,400	7.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.8	-1.7%	1.0	141,224	457.2	2,030	8.8	24,000	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.1	1.2%	1.1	166,622	1106.8	1,954	13.3	35,800	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	-0.9%	1.4	10,060	166.0	749	21.6	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.8	1.4%	1.6	9,973	382.9	3,930	7.6	32,200	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	65.0	-1.2%	1.2	93,493	268.7	1,518	42.8	82,500	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.3	-1.8%	0.5	115,575	229.5	4,194	13.2		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.7	-3.58%	1.7	7,386	53.6	2,098	16.1	19.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	165.0	-1.79%	1.2	22,480	48.4	3,279	50.3	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.5	-1.79%	1.2	36,745	22.3	2,975	16.6	27.1%	9.7%	
DIG	Bất động sản	18.0	1.12%	1.5	11,636	441.2	303	59.4	3.3%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.9	0.00%	1.5	16,149	313.6	310	51.2	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.2	-2.14%	1.4	4,486	107.5	443	56.8	2.8%	3.4%	
HDG	Bất động sản	27.0	0.00%	1.4	9,081	132.2	839	32.2	19.4%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.5	-1.66%	1.4	13,695	98.5	4,982	8.3	17.0%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.3	1.22%	1.5	14,344	105.1	1,827	20.4	44.9%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	67.7	-2.59%	0.0	14,253	34.0	6,076	11.1	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	34.3	-2.70%	1.3	6,165	88.3	2,036	16.8	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.9	0.51%	1.5	13,297	117.7	1,279	15.6	9.6%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	97.0	-1.02%	1.3	370,895	295.0	2,823	34.4	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	26.5	-1.85%	1.0	60,216	183.1	1,844	14.4	18.1%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.7	-1.98%	1.1	7,322	30.0	1,654	21.0	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	37.4	3.60%	0.9	47,520	136.0	1,535	24.4	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.5	0.52%	1.1	10,840	278.7	1,246	15.7	5.8%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.1	-2.17%	1.7	12,148	149.7	1,650	21.9	28.0%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.1	-3.56%	1.7	15,522	212.8	1,650	16.4	7.1%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	-1.25%	0.9	147,588	55.1	4,543	13.9	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.4	-2.19%	1.0	31,381	130.8	546	24.5	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.0	0.91%	1.0	36,739	116.7	4,511	17.3	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.0	-1.42%	0.5	48,745	103.3	2,783	32.3	12.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.0	-1.37%	1.5	32,486	506.6	1,954	18.4	8.4%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-1.54%	1.0	24,161	101.6	3,797	15.1	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.0	3.26%	1.2	9,872	258.7	5,594	13.6	9.3%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	-1.29%	1.3	8,153	112.4	3,026	7.6	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.5	-2.23%	0.0	13,335	36.6	3,235	33.9	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	75.7	-2.82%	1.1	25,579	112.5	6,105	12.4	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.0	-0.45%	0.8	3,361	51.2	2,869	11.5	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.0	-1.04%	1.4	2,329	21.5	2,580	7.4	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.6	-0.59%	1.2	13,149	68.1	1,223	27.5	7.0%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.4	-2.91%	1.6	113,400	83.6	1,174	24.1	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	24.1	-0.82%	1.1	44,892	395.1	1,856	13.0	4.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.2	-1.89%	0.5	93,203	78.0	3,333	9.4	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.7	-0.60%	0.0	22,922	30.7	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	-0.92%	1.0	26,507	18.4	1,189	9.0	19.3%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	0.00%	1.4	5,997	175.2	1,122	11.9	5.1%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.1	-2.13%	1.6	4,273	22.5	612	26.2	0.9%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.5	-2.20%	0.7	10,793	194.1	1,415	25.1	2.7%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.1	-0.91%	1.2	62,910	44.5	3,217	15.3	59.1%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.8	-1.06%	1.3	12,524	28.9	5,567	10.0	22.1%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.1	1.03%	1.1	11,223	16.4	13,288	10.3	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.3	-1.59%	1.5	8,024	56.2	3,238	24.8	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.0	-1.21%	1.3	10,295	28.9	4,754	18.9	8.8%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	66.9	1.36%	1.4	4,215	83.9	3,738	17.9	8.3%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-2.76%	1.5	5,851	97.4	1,093	11.3	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-1.93%	1.3	8,190	48.7	1,237	18.5	17.2%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.0	-1.35%	1.4	13,139	232.5	988	22.2	6.7%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.7	-3.69%	1.5	20,490	55.2	2,720	16.8	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>